

Bài 78. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp| Phẩm Uruvelā (tt)

| Sư Giác Nguyên giảng 25/6/18

Kinh Kê Lừa Dối

Hôm nay học một bài kinh rất là đặc biệt, đó là Kinh Kê Lừa Dối.

Trong bản Pāli, chúng ta thấy có một chữ rất là đáng để chúng ta lưu ý, đó là chữ “lừa dối”: kuhakā; rồi “cứng đầu” là thaddhā; “lắm mồm lắm miệng” là lapā. Nhưng mà trong đó có cái từ gọi là siṅgī, mà Ngài Minh Châu dịch là “hoang dâm”.

Thật ra thì các vị vào ở trong tự điển, các vị sẽ thấy chữ siṅgī này nghĩa là kāmamucchā. Bên bản Pāli của Nhật Bản họ dịch là chữ “luyến tình”, và ở trong bản tiếng Anh thì họ dịch là erotomania, có nghĩa là một Tỷ-kheo mà sống nặng về tình cảm và có một cái hoang tưởng. Cái này không phải là hoang dâm mà là hoang tưởng về tình cảm, nghĩ rằng ai đó cũng thương mình.

Các vị xem ở trong tự điển Google thì chữ siṅgī có nghĩa là kāmamucchā, có nghĩa là luyến tình, và nó được dịch ra là erotomania, có nghĩa là cái bệnh hoang tưởng nghĩ rằng ai cũng thương mình, ai cũng thích mình hết. Ở đây cái chữ nó như vậy.

Và trong đây ghi rằng một vị Tỷ-kheo nào mà có hết những thói xấu này thì bị xem như là không phải là vị Tỷ-kheo. Và coi như là đầu có mặt ở trong tự viện, có mặt giữa chúng Tăng, thì coi như cũng đã ra ngoài chúng Tăng.

Chúng ta xem ở trong Tăng Chi, phần 8 pháp, về 8 điều kỳ lạ của biển cả. Trong đó Đức Phật Ngài dạy rằng giống như đại dương, tuy bao la và dung chứa tất cả các nguồn nước trên hành tinh, nhưng mà có điều đặc biệt đó là đại dương không có chứa những phiêu vật trên đó. Tức là bằng cách nào đó, sớm hay muộn thì biển sẽ đánh trả vào bờ những phiêu vật trôi nổi trên đó.

Cũng vậy, trong Giáo Pháp của Ngài thì không có chỗ để mà chấp nhận, không có chỗ chứa, không có chỗ đón nhận những thành phần bất xứng.

Coi bài kinh đó thì mới ứng với bài kinh này, mình mới thấy rằng là Ngài nói rằng một vị Tỷ-kheo như vậy, dầu sống giữa chúng Tăng, dầu sống giữa tự viện, thì cũng bị xem như đã bị cách ly rồi. Và Giáo Pháp Ngài, Tăng chúng Ngài giống như đại dương vậy đó, tức là trước mắt thì thấy cái gì cũng chứa, nhưng mà sau cùng thì cái gì là bất xứng, cái gì là không thích hợp thì sẽ bị đào thải.

Chúng ta thấy ở trong lịch sử nhân loại cũng vậy. Có bao nhiêu điều sai lầm, bao nhiêu vấn đề rắc rối của nhân loại, lúc nó đang xảy ra thì phải nhìn nhận là nó gây ra bao nhiêu cái rắc rối. Nhưng mà theo năm tháng, theo thời gian, thì cái gì mà nó không hợp lý, tự động nó sẽ bị kết thúc: từ chính trị, văn hóa, tôn giáo, xã hội, cho đến những vấn đề tư riêng, bất cứ cái gì.

Hoặc mình thấy ở trong cơ thể của mình, thí dụ như ở cái chân mình, mình đạp gai mà nếu mình không lấy nó ra thì lâu ngày nó sẽ tự nó kết tụ thành một cái vết chai, và dần dần cái vết chai đó cũng bị đào thải. Ở trong con trai thì nó làm nên ngọc, còn như ở trong cơ thể mình, cái gì mà nó bất xứng, cái gì mà nó không có thích hợp thì tự động nó cũng có cái cách nào đó để nó lìa khỏi cái chỗ mà xưa giờ nó ẩn náu.

Cái bài kinh này nó sâu ở chỗ này, có nghĩa là chúng ta đang có mặt ở không gian nào, chúng ta đang có mặt ở cái phương trời nào đi nữa, trong một cái đoàn thể nào đi nữa, mà nếu chúng ta không có một cái nội hàm tương ứng với cái không gian ấy, bối cảnh ấy, hoàn cảnh ấy, thì sớm muộn chúng ta sẽ lìa bỏ nó mà ra đi. Cái nội dung sâu sắc bài kinh này nằm ở chỗ đó.

Bất cứ cái gì nó cũng cần bối cảnh thích hợp để nó có thể trụ lại. Chúng ta muốn có mặt trong một đoàn thể nào đó, một sự vật, một sự việc mà muốn trụ lại ở một nơi chốn nào đó, thì tự thân nó phải có một cái nội hàm tương ứng.

Thí dụ như hôm nay mình nói mình tu Phật, hôm nay mình nói mình tin Phật, hôm nay mình nói mình học Phật, nhưng mà cái nội hàm của mình không phải là nội hàm của một người Phật tử, mình không có cái Phật chất trong người, mình không có sự hàm dưỡng theo tinh thần Chánh Pháp, thì sự có mặt của mình được người ta gọi là một Phật tử, được gọi là một tu sĩ.

Nhưng mà nếu ngay đời này mà chúng ta không có lìa khỏi Giáo Pháp này, thì ở đời sau kiếp khác chúng ta cũng sẽ hòa nhập với một cái hội chúng khác không có liên quan gì đến Phật Pháp. Vì sao? Là bởi vì cái nội hàm của chúng ta vốn dĩ không có cái gì mà nó ăn nhập với Phật Pháp hết. Cái nội dung của bài kinh này nó sâu là sâu chỗ đó.

Cho nên dầu chúng ta hôm nay là một người Phật tử, có quy y, có thọ giới, chúng ta có pháp danh, nhưng mà chúng ta không có kiến thức Phật Pháp, chúng ta không có hành trì Phật Pháp, chúng ta không có cái tâm tương ứng với Phật Pháp, thì coi như là chúng ta đã tự đào thải mình ra khỏi Giáo Pháp của Đức Phật.

Bằng cách nào? Đào thải bằng cách là không ai đuổi mình hết, nhưng mà đào thải bằng cách là chỉ cần chớp mắt một cái, tắt thở, qua đời sau kiếp khác, chúng ta chắc chắn sẽ thuộc về một hội chúng khác.

Người Tây Tạng họ có nói thế này: con voi nó không thể chui cái lỗ chó. Cái hình hài của con voi nó không có thích hợp với cái lỗ chó.

Chúng ta thấy ở trong vật chất cũng vậy, dầu với nước nó không thể đi với nhau được. Chúng ta muốn hay không muốn có mặt trong một cái đoàn thể, một hội chúng nào đó, cái chuyện có muốn hay không muốn nó là một chuyện, nhưng mà cái chuyện mà chúng ta đã trang bị những cái

Hành trang gì, chúng ta có một cái nội dung như thế nào, cái đó mới là quan trọng. Chính cái nội dung đó, chính cái hành trang đó, nó quyết định chúng ta thuộc về cái hội chúng nào, thuộc về cái nơi chốn nào, thuộc về cái phương trời nào.

Bài kinh này nó sâu là sâu ở chỗ này: cái nội hàm của chúng ta nó quyết định cái chốn đi về của chúng ta, nó quyết định cái chỗ mà chúng ta sẽ có mặt một cách lâu bền nhất.

Trong một gia đình, trong một cuộc hôn nhân, mà chỉ cần các thành viên ở trong đó, từng cá nhân ở trong đó, có những cái vấn đề, có những cái nội kết không thể giải quyết, thì sớm muộn gì cái gia đình đó, cuộc hôn nhân đó cũng phải tan rã. Là vì sao? Vì những thành tố cấu tạo nên nó vốn dĩ là những thành tố bất xứng, gồm những cấu tố bất xứng, không thích hợp.

Cái bài kinh này nói đến cái ý đó, chứ không phải là mình chỉ ôm khư khư cái từng chữ, từng hàng trong kinh này. Mà nội dung nó nằm ở chỗ này: chúng ta là dầu thì chúng ta không thể nào hòa tan ở trong nước được. Không khéo thì trong một cái hội chúng mà mình đang góp mặt, mình chỉ là một cái viên sỏi thận thôi, mình chỉ là khúc ruột thừa phải cắt thôi.

Trong con trai, cái gì không thuộc về con trai thì nó phải bị đào thải. Chúng ta gọi cái vết thương của con trai bằng một cái tên rất là mỹ miều, đó là viên ngọc. Chúng ta đâu có biết cái viên ngọc trai đó chính là cái nổi đau, chính là cái vết thương, nó chính là cái vấn đề lớn của con trai.

Nếu cái con trai mà nó biết nói chuyện thì nó sẽ cho chúng ta biết rằng: “Cái bà quý, cô trân quý đeo trên người, trên cổ, trên ngón, trên cườm tay, chính là cái vết thương của tôi đó! Chính là cái nổi đau của tôi đó! Tôi muốn bỏ nó đi mà không được. Nếu tôi có trí khôn và cái thế giới của tôi giống như thế giới loài người thì tôi đã đi bác sĩ kê họ mỗ lấy nó ra từ lâu lắm, từ khi mà nó còn là cái hạt cát kia! Chứ còn đến lúc mà nó phát triển thành một cái vật thể lớn mà các bạn gọi là viên ngọc đó thì lúc bấy giờ nổi đau của tôi đã là vô bờ rồi!”

Đó là chúng ta đang học về cái bài kinh Kẻ Lừa Dối.

Kinh Biết Đủ

Có một cái chuyện mà chúng ta không thể không nói đến ở đây, đó là mẹ sanh ra mình có tay, có chân, rồi lớn lên, theo năm tháng, chúng ta có răng, chúng ta mọc răng, một lúc thì năm ba cái, rồi phát triển đầy đủ chúng ta có tới 32 cái răng, chúng ta có đủ.

Nhưng mà cái vấn đề ở chỗ này là tuy có răng cò, tuy có tay chân, tuy có sức vóc giống nhau, nhưng mà không phải ai cũng có cái đồ ăn, thức uống giống nhau. Tùy cái hoàn cảnh, người giàu có đồ ăn của người giàu, người nghèo có đồ ăn của người nghèo. Người bệnh họ không thể ăn cái thức ăn của người khỏe mạnh được. Người không có răng họ không có ăn đồ cứng được. Người bị tiểu đường không có ăn đồ ngọt được. Người bị cao máu họ không ăn đồ mặn được. Người bị cholesterol họ không có ăn đồ dầu mỡ nhiều được.

Thì cũng vậy, Phật Pháp là một đại dương bao la, Phật Pháp là một cái khu rừng lớn. Có một điều là dầu chúng ta có thông minh cách mấy, mà nếu chúng ta không tìm đến Phật Pháp, chúng ta biết được Phật Pháp thông qua cái sự ban phát của ai đó, mà tự thân mình không có đi kiếm tìm, thì coi như là mình cũng chỉ là một đứa con nghèo khổ của một đại gia giàu có.

Tại sao tôi đánh một cái vòng xa không mắc mớ gì bài kinh? Tôi muốn nói rằng trong cái bài kinh Biết Đủ này, trong Chánh kinh thì rất là ngắn, nhưng mà cái phần Chú giải của cái kinh Biết Đủ này nó rất là đáng để cho một vị tân sư, một vị tân thọ Tỷ-kheo bỏ ra 3 tháng trời để học thuộc lòng Chú giải của cái kinh Biết Đủ này.

Vì sao vậy? Vì theo cái tinh thần của cái kinh này thì một người chán sợ sanh tử không có lý do gì phải tích góp, phải cất giữ, phải sử dụng quá nhiều những cái nhu cầu vật chất. Người không biết Phật Pháp thì họ xem cái sự tích góp, cái sự cất giữ, cái sự sử dụng là một cái điều nên, cái điều hay ho.

Nhưng mà trong tinh thần Phật Pháp thì bản thân cái hình hài này nó đã là cái phiền. Bản thân cái hình hài này nó đã là một cái phiền lớn rồi, mà nuông chiều nó bằng các

tiện nghi thì nó giống như là mình đang nuôi bệnh, nó giống như là mình đang nuông chiều một đứa con hư. Cái vấn đề nó như vậy.

Bản thân cái thân này nó đã khổ rồi. Một ngày mà mình tắm một lần, một ngày mà mình ăn một lần, một ngày mà mình xia răng một lần, một tuần mình cắt móng một lần, một tháng mà mình cắt tóc một lần là đã phiền lắm rồi, nói chi là chúng ta tự tạo thêm bao nhiêu là nhu cầu và tiện nghi khác nữa!

Thì có thể tùy vào cái khuynh hướng tâm lý, rồi cái tiền nghiệp thiện ác của mỗi người mà chúng ta thấy cái đó nó là hay, cái đó là cần thiết. Chứ còn nếu mà nói theo tinh thần Phật Pháp rất ráo, chúng ta thấy cái xuất thân của Đức Phật, xuất thân của nhiều vị Thánh lớn trong đời Đức Phật như là ngài Ca-diếp, Mục-kiền-liên, Anan, v.v., các vị đó đã bỏ hết.

Các vị sống một cuộc đời mà các vị có thể xem thêm ở trong kinh Ratthapāla Sutta, Trung Bộ. Trong phần Chú giải của kinh này có nói một điều rất là thú vị, đó là một kẻ phạm phu, một cái người mà chưa có chấm dứt phiền não tham dục, sân hận, chưa có chấm dứt, diệt trừ được dục ái và sân, thì không thể nào mà có được một cái khả năng tự tại trong cái đời sống vật chất như là bậc Thánh. Đó là trong kinh nói như vậy.

Rồi trong đó mới dẫn chứng như Tôn giả Ratthapāla là một

Vị A-la-hán, Ngài không còn ái và sân, Ngài không còn thiết tha trong cái chuyện thơm, cái gì không thơm, cái gì ngon, cái gì không ngon, không có đi tìm cái ngọt mà trốn cái đắng, trốn cái cay, trốn cái chua. Ngài không có cái lòng thiết tha chạy cái này mà kiếm tìm cái kia. Ngài không còn dục ái và sân; cho nên Tôn giả Ratthapāla mới có thể bình thản ngồi ăn hết một cái bình bát cháo thiêu.

Cái chỗ này chúng ta rất là khó mà hình dung. Chúng tôi nhắc lại, vị A-la-hán không phải là một cái người bất bình thường, không phải là người mất trí không phân biệt sạch dơ, không phải. Cái người mất trí họ không có phân biệt sạch dơ, cho nên họ

thích luôn trong cả cái dơ, họ đam mê, họ đắm đuối trong cả cái dơ như là một đứa bé vậy, ngay cả người lú lẫn cũng vậy. Nhưng mà bậc Thánh, các Ngài không có phải là không biết, nhưng các Ngài coi cái đó nó không quan trọng, và các Ngài không có đam mê hay là chán ghét, chối bỏ cái dơ, cái xấu như là phàm phu.

Cho nên thì khi cần thiết, chỉ cần đó là một cái vật dụng cần thiết và không có trái luật đời, không trái luật Đạo thì các Ngài có thể sử dụng. Chẳng hạn như vị Thánh, một lát nữa mình học, vị Thánh có thể sử dụng một cái tấm vải mà người ta bó xác, thậm chí sử dụng một cái tấm vải mà phụ nữ sau khi sinh con, họ sử dụng, máu me nhót giải tùm lum họ liệng bỏ, thì cái vị Tỷ-kheo đầu đà có thể đem về để sử dụng, giặt giũ, may, nhuộm để sử dụng.

Cái sâu của bài Kinh này không phải chỉ là khen cái hạnh thanh bần đơn giản của người tu, không phải. Mà cái bài Kinh này nhấn mạnh một điều đó là chúng ta phải kết hợp với Kinh Ratthapāla để hiểu ra một chuyện rất là sâu sắc, đó là khi không còn dục ái thì người ta không còn thiết tha cái gì, và khi không còn tâm sân thì người ta cũng không bất mãn, chối bỏ, trốn chạy cái gì. Và nếu mà không có thiết tha mong đợi thì chúng ta không có thất vọng khi tìm không được, và khi mà chúng ta không có bất mãn thì chúng ta sẽ không có khổ khi mà trốn chạy không được.

Tôi nhắc lại, khi không còn thích thì sẽ không còn khổ khi mà tìm không được; khi không còn ghét thì không còn khổ khi mà đối diện cái dơ xấu. Cái đó ở đây là điểm đặc biệt của bài Kinh này là nói như vậy. Khi mà không còn dục ái thì vị đó không còn thiết tha kiếm tìm cái gì hết, và khi không còn sân tâm, vị đó cũng không bất mãn cái gì.

Mà toàn bộ cái khổ của cuộc đời này nó đi ra từ cái thích và ghét, mà nếu mà nói rõ ràng là đi ra từ cái thích, bởi vì từ cái thích mới sinh ra cái ghét. Do không hiểu được Khổ để rằng cái gì cũng là khổ nên phàm phu mới có ý thích đi kiếm tìm này nọ. Tìm được thì gọi là hạnh phúc, tìm không được thì gọi là đau khổ. Trốn chạy mà thất bại trước cái mình ghét cũng là khổ. Đây là cái sâu của bài Kinh này.

Chứ còn bài Kinh này nếu mình chỉ đọc phớt qua trên cái mặt giấy, mặt chữ thì chỉ là kêu gọi cái tinh thần thanh bần, giản tiện của một người tu, nghèo quá, quá nghèo. Nếu mà hiểu như vậy thì quá nghèo. Mà cái sâu của bài Kinh này là như vậy, có nghĩa là khi không có còn thích thì sẽ không có còn cái bất mãn, và khi không còn thích thì không có đi kiếm tìm, và khi không có kiếm tìm thì không có khổ trong cái chuyện mà mình thích. Và khi mà không có ghét thì không có bất mãn trong cái mình bất toại, và như vậy mình cũng không có khổ trong cái mình ghét, mà cũng không có khổ trong cái mình thích.

Còn phàm phu khổ ngay trong cái mình thích, mà khổ luôn ra cả cái mình ghét. Và đó là một cái điều gọi là nội dung tinh hoa của Kinh này.

Và cái nội dung thứ hai, đó là với một người mà hiểu được hai cái điều trên đây thì họ sẽ thấy rằng cái đời sống vật chất nó càng đơn giản là càng tốt. Là vì sao? Đời sống, cái nhu cầu vật chất vốn dĩ xuất phát từ chuyện ta thích và ghét.

Tôi thấy hình như là mình mở cửa vô, ở dưới chân mình phải có tấm thảm chùi chân, bởi vì không có rồi tha cát vô nhà, rồi đi nó nhám nhám khó chịu lắm, thế là nó nảy ra cái tấm thảm chùi chân.

Tôi thấy mùa đông mà không có máy sưởi thì chịu không có nổi, thế là nó nảy ra cái máy sưởi. Mùa hè không có máy lạnh tôi chịu không nổi, thế là nó nảy ra cái máy lạnh.

Rồi tôi thấy trong bếp mà con dao mà để trong ngăn kéo hình như nó không có hay bằng mình có cái giá mình để dao, thế là trong bếp ngoài con dao có cái giá để dao.

Rồi ở Mỹ, ở Âu Châu còn có cái món rất là kỳ cục, có cái spoonstop là cái chỗ để muỗng khi mà mình nấu ăn. Rồi chưa hết, có cái quai đản lắm, nó kêu là letter opener, là cái miếng kim loại để mà mở thư. Tại sao tôi không có dịch là con dao rọc giấy mà tôi gọi là cái miếng kim loại? Là bởi vì ở Âu Mỹ này các vị sẽ rất là thường gặp cái món này, nó không hẳn là con dao. Đôi khi nó bén như con dao, nó nhọn như

con dao, nhưng đôi khi nó chỉ là một cái miếng inox thôi, một miếng nhôm rồi có tay cầm nhỏ nhỏ vậy đó, rồi người ta gọi đó là letter opener.

Mà tôi nhìn những cái món đồ đó tôi mới chợt nhớ câu chuyện của một nhà bác học ở bên Anh. Ông giỏi quá rồi ông đâm ra ông đăng trí. Ngày kia bạn bè đến thăm thấy trong phòng ông có hai cái lỗ, một cái lỗ lớn, một cái lỗ nhỏ trong vách tường, thì họ mới hỏi ông:

“Vậy chứ tường bị cái gì mà hai lỗ không có bít lại?”

Ông mới nói:

“Đâu có, cái đó là hai cái lỗ là do tôi cố ý tôi khoét. Cái lỗ nhỏ là cho cái con mèo nhỏ, lỗ lớn là cho con mèo lớn.”

Thì các vị thấy ngay ở trong

Cái nhu cầu của ông, vì cái nhu cầu để chăm sóc hai con mèo. Ở đây dĩ nhiên câu chuyện này người ta kể về một người đăng trí, nhưng mà đừng có nói câu chuyện đó là chuyện tào lao, bởi vì chính chúng ta cũng không có ít người gần giống như người đăng trí. Tự chúng ta chế ra vô vàn những nhu cầu mà thật ra vốn dĩ nó không có cần thiết.

Như hồi nãy giờ tôi có thể trưng dẫn cho các vị nghe một vài món rất là kỳ. Chẳng hạn như cái đồ rọc giấy, mình có thể dùng con dao hoặc là lấy tay mình xé được mà. Mình xuống bếp mình tìm một con dao nào cũ, con dao cùn, mình để dành mình mở thư, chứ đâu có nhất thiết mà phải đi mua một cái đồ rọc giấy như vậy.

Thì do thích và ghét, thích tiện nghi và ghét cái bất tiện, cho nên mới nảy sinh ra cái nhu cầu. Còn nếu một ngày nào đó mà cái thích nó ít đi, cái ghét nó ít đi, thì cái nhu cầu nó cũng ít đi. Cái mình ghét càng giảm thì tự nhiên cái vật chất nó cũng ít đi. Đây là cái điểm sâu thứ hai của cái nội dung bài kinh này.

Và trong đây, bài kinh Biết Đủ này luôn có một nội dung dính liền với bài kinh tiếp theo, đó là kinh Truyền Thống.

Kinh Truyền Thống

Kinh Truyền Thống ở đây có từ chữ Pāli gọi là vaṃsa, có nghĩa là dòng dõi. Thí dụ như dòng dõi vua chúa, dòng dõi thứ dân thì gọi là vaṃsa.

Trong kinh có một thuật ngữ gọi là Ariyavaṃsa, có nghĩa là cái nếp sống hay là cái tinh thần tri túc ở trong nhu cầu vật chất của một Tỷ-kheo. Thì trong đây có nói rõ thế này: Chư Phật ba đời mười phương luôn luôn sống ở trong cái tinh thần mà như chúng tôi vừa trình bày nãy giờ, luôn luôn sống ở trong cái tinh thần gọi là không còn thích, không còn ghét. Cho nên từ đó, cái nhu cầu vật chất tự nhiên cũng được tiết giảm theo trong đời sống.

Ở đây có hai chuyện đáng lưu ý. Tinh thần mà nó càng đơn giản, không có dây dưa với những cái vấn đề mà gọi là tạp niệm, thì mới có chỗ cho những cái suy tư minh triết. Trong một cái trú xứ càng ít những thứ vô dụng thì mới có chỗ cho những thứ giá trị. Đây là cái luật muôn đời. Cái luật này một đứa con nít 10 tuổi nó cũng hiểu nữa.

Trong cái hộp đồ chơi của nó mà có chứa quá nhiều những cái thứ, những cái món mà tào lao, thì nó sẽ không có chỗ cho những món đồ chơi đắt tiền, với món đồ chơi vừa ý. Nó muốn má nó mua cho nó cái người dơi, siêu nhân, hay là những chiếc xe chạy pin điều khiển bằng remote, thì chuyện đầu tiên là nó phải bỏ đi những cái món đất sét bằng nhựa rẻ tiền, đại khái như vậy.

Đó là cái triết lý áp dụng từ đứa bé. Và đối với người lớn cũng vậy. Một cái đầu óc mà bị vướng mắc quá nhiều những cái tạp niệm thì cái đầu óc đó không thể nào có được chỗ cho những cái suy tư minh triết, cho những cái... thẩm thía tâm linh.

Trong một cái chỗ ở, trong một cái trú xứ mà có quá nhiều những món rẻ tiền vô dụng, những thứ cần vất đi, những thứ phế liệu, phế vật, phế thải, thì chúng ta không có chỗ cho những thứ đắt tiền, sang trọng, có giá trị.

Thì cái nhu cầu, bốn cái pháp gọi là truyền thống của Thánh nhân, ở đây có nghĩa là nhắc lại cái tinh thần mà nãy giờ tôi nói. Có nghĩa là khi không có cái chỗ thích thì tự nhiên bớt đi chỗ ghét, mà khi không có thích, không có ghét thì tự nhiên cái nhu cầu vật chất nó giảm theo.

Chỉ riêng một cái món đồ nhỏ xíu nó cũng đến từ hai cái nhu cầu, lý do thích và ghét của cái người sử dụng nó. Như hồi nãy tôi nói rồi, là tại sao mà trong bếp hoặc là trên cái bàn viết của mình, thường nó hay có cái khăn nhỏ nhỏ nằm kế bên. Sao kỳ vậy? Chuyện đầu tiên là mình thích cái bàn sạch, cái bàn mình không có bụi. Và thứ hai nữa là mình ghét bàn có bụi. Có nghĩa là do cái thích cái này; bề mặt là thích cái này, nhưng bề trái là ghét một cái gì đó. Hai cái này nó cộng lại, nó mới nảy ra cái sự có mặt của chiếc khăn nhỏ để mà chúng ta máng ở dưới bàn.

Rồi dưới bếp cũng vậy, rồi trên phòng ngủ, trong nhà tắm, ngoài vườn, trước sân, mái hiên, thềm ba, balcon, tất cả những nơi đó, mình thấy món đồ nào mình cầm nó lên, mình suy nghĩ rằng cái món này nó đến từ hai nguồn tâm lý: một là do mình thích cái gì đó, và hai là do mình ghét cái gì đó.

Do tôi thích trồng bông, và tôi ghét cái sự mà trống trải của cái balcon, thế là tôi mới tha về cái chậu bông. Từ cái chỗ mà tôi ghét cái trống trải tênh hênh, mà tôi lại thích có một chậu hoa cho nó vừa mắt trong cái không gian đó, thế là tôi mới tha về cái chậu bông.

Và từ cái chỗ chậu bông, nó mới nảy ra bao nhiêu nhu cầu khác, như muốn xúc đất, rồi có một cái bình nhỏ nhỏ để tưới nước, rồi chưa kể là nó có một cái túi phân nhỏ nhỏ, thí dụ như vậy, để lâu lâu tôi bón, vân vân và vân vân.

Chỉ riêng một cái bụi hoa nhỏ trên balcon thôi, từ cái chuyện mình thích cái này, nó mới dẫn đến một cái nhu cầu nào đó, mà do mình ghét cái gì đó, nó cũng dẫn đến một nhu cầu nào đó. Và chung quy lại, do có thích, có ghét, nó mới nảy ra các cái nhu cầu vật chất. Và từ đó, nó làm cho cái không gian tâm lý và không gian vật lý của chúng ta trở nên chật chội hơn. Cái nội dung bài kinh nó sâu ở chỗ đó.

Cho nên trong đây mới nói rằng: cái nhu cầu tối yếu của một người xuất gia chỉ là ăn, mặc, ở và thuốc chữa bệnh. Cả bốn cái thứ này phải được sử dụng, thọ nhận và kiếm tìm trong cái tinh thần của ba pháp tri túc. Bữa hôm mình có học rồi:

Một là yathāladhāsantosa, tức là vui được với cái mình nhận được. Họ cho bao nhiêu, nhận được bấy nhiêu.

Thứ hai là yathābalasantosa, tức là nhu cầu đến đâu thì thọ dụng đến đó, không thọ nhận hay kiếm tìm nhiều hơn nhu cầu thật sự.

Bữa hôm tôi nói rồi: mình không có răng thì mình không có nhận cái mà xài cho người có răng, mà phải nhường cho người khác. Có nhiều khi mình tiếc, mình không có răng nhưng mà mình thấy cái kem đánh răng tốt quá mà người ta cúng, vậy mình cũng lấy. Nếu mình lấy về để mình cho bạn tu, cho người khác thì không nói gì. Mà nếu mà mình vì tiếc mà mình vẫn ráng lấy, hoặc là cái ghế, cái bàn, cái giường đó, thật ra thì nó cũng cồng kềnh, không có thích hợp với trú xứ của mình, nhưng mà đắt tiền quá, đẹp quá, sang trọng quá, không nhận uống. Thế là người ta cho thì cứ lấy. Cái đó không có được.

Mình ở đây gọi là yathābala, nghĩa là nhu cầu đến đâu thì thọ dụng đến đó, là vậy đó.

Thứ ba là yathāsāruppasantosa, có nghĩa là thọ dụng, thọ dụng: thọ và nhận, theo đúng với cái vị thế của mình, không có cái nhu cầu ngoài ra. Yathāsārappa là cái vị thế của mình như thế nào thì mình nên sử dụng ở trong cái vị thế đó.

Trong đây ghi rõ, một cái vị trẻ tuổi, nhỏ hạ trong chùa thì tránh không nên dùng những thứ mà nó cao sang, nó đắt tiền hơn của các vị Trưởng lão. Thà mình có, mình cúng cho Tăng, cúng cho Trưởng lão, chứ còn đằng này mình nhỏ hạ, nhỏ tuổi mà mình lại sử dụng những cái món mà nó vượt khỏi cái vị trí của mình, gọi là sārappa, cái vị thể thích hợp của mình, thì không có nên.

Một vị Sa-môn tránh không dùng những món đồ mà nó quá đời, nó quá thể tục, đó cũng gọi là yathāsārappa. Tức là không dùng những món mà nó không thuộc về Sa-môn, và cũng không dùng những món mà nó ra khỏi cái vị thể của mình, ngó coi không được.

Một vị Sa-di, một vị Tỷ-kheo trẻ mới có 20, 25 mà trong phòng thì có ghế bố, rồi có tủ lạnh, rồi có chăn đệm đắt tiền, rồi đồ bằng trầm, bằng ngà, thì có lẽ là nó không có thích hợp với cái vị thể của mình. Trong đời sống tu sĩ thì những cái đó nên đẩy về cho Tam bảo, đẩy về cho tập thể, hoặc là có thể đẩy về cho các vị Trưởng lão. Chứ còn nếu mà bước vô phòng mà nhìn thấy những món đồ đó thì gọi là nó bất xứng.

Thì ba cái đó được gọi là ba cái pháp tri túc.

Và sở dĩ hồi nãy tôi nói cái nội dung của kinh này đáng để một vị tân Sư mà học thuộc lòng trong suốt 3 tháng trời là vì sao? Vì trong đây Chú giải kinh này ghi rõ thế nào là tri túc trong y áo, trong thực phẩm, trú xứ, thuốc men, nói rất là rõ. Mà bây giờ nói cho bà con nghe, trong đây phần lớn là cư sĩ, thì các vị nghe các vị cũng chẳng có làm cái gì thêm mệt, mất thời gian. Tôi chỉ trích dẫn thôi.

Trong đây nói tri túc trong y áo có nghĩa là bên cạnh cái việc dùng những cái y áo mà bằng các chất liệu Luật cấm, như là bằng da, không mặc áo da, không mặc áo lông. Bên Ấn Độ thì còn có lông thú, lông chim, hoặc là tóc người, thì trong đây cấm.

Thì bên cạnh mà tránh những cái chất liệu không có hợp Luật, thì vị đó có thể sử dụng những cái y áo trong trường hợp sau đây: đó là vải mà liệng trong nghĩa trang, vải mà người ta liệng trên đường phố, vải mà mình lượm ở trong cái đồng rác, vải mà

phụ nữ sinh con mà người ta dùng xong, máu me rồi người ta bỏ, vải mà bị cháy xém, vải mà bị chuột cắn chút đỉnh rồi chủ họ liệng, vải mà bị rách bìa, rách biên, rách giữa, rách trong, vải mà cầu ao, bến nước, bờ biển, vải mà do chư thiên cúng dường, vải mà do thần thông tạo ra.

Tức là cái vải mà trong cái dịp tu mà ehibhikkhu, mà Đức Phật Ngài đưa cái tay ra, Ngài nói là:

“Ehibhikkhu, hãy đến đây Tỷ-kheo, hãy sống trong Pháp và Luật này để chấm dứt khổ đau.”

Thì khi Ngài giơ cái bàn tay đó ra thì đương sự tự nhiên râu tóc rụng sạch và trên người có sẵn lá y. Thì lá y đó được gọi là lá y có được do thần thông.

Và chúng ta cũng phải biết thêm là để có được cái kiểu xuất gia đặc biệt này, là đời trước chúng ta phải từng là cúng dường y áo cho cái người xuất gia.

Rồi nhiều vị nói riết nó xa, thành ra là phải làm thí chủ dâng y, thì nó hơi quá. Mà phải là người từng cúng dường áo, chứ không có nhất thiết là phải thí chủ Kāṭhina.

Bởi vì cái chữ thí chủ, mà theo trong Pāli cái chữ dāyaka có nghĩa đơn giản là cái người đem cúng dường một cái vật gì đó thì gọi là thí chủ.

Còn hôm nay trong cái làng Nam Tông Việt Nam thì thí chủ dâng y nó có cái nghĩa không có đơn giản là tôi bỏ ra một số tiền, tôi mua một bộ y rồi tôi đem cúng chư Tăng, thì không được gọi là thí chủ. Mà thí chủ ở đây có nghĩa phải là đại gia. Rồi một năm như vậy là mình muốn đóng thầu một cái buổi dâng y nào đó là mình phải xin. Nhất là những chùa nổi tiếng, mình phải xin trước mấy năm.

Mà theo tôi biết là muốn làm thí chủ dâng y mấy chùa lớn thì mình phải tốn là cả chục ngàn đô la vậy đó, mới là trai Tăng, trai tục. Và mình được giải thích rằng là phải làm thí chủ như vậy đó thì kiếp sau sanh ra mới được ehibhikkhu.

Không phải! Mà ehibhikkhu ở đây có nghĩa là cái quả lành của cái người từng cúng dường, từng bố thí tối thiểu một lá y cho cái người xuất gia, chứ không nhất thiết phải làm thí chủ theo cái nghĩa mà mấy chục ngàn đô la mà đấu thầu trước mấy năm, thì cái đó là không phải!

Chỉ có một bộ thôi, cúng một bộ thôi. Khả năng mà, nói chung là tùy sức. Chứ còn mình giàu, mình keo quá thì tình hình nó có khác. Còn đảng này tôi nói là tùy sức, kể cả mình bán vé số mà mình dành dụm hai ba năm mà mình mua.

Được một bộ y. Mà theo tôi biết, Việt Nam hình như một bộ y thì chỉ có chừng một triệu hà. Mình bán vé số, mình bán nước trà đá, mình để dành một năm mình được khoảng chừng một triệu, vậy mình mua một lá y. Mà muốn cúng cho nó hoan hỷ thì không có phải đến mấy cái chùa to, tượng lớn. Ở đó người ta giàu lắm, rồi mình lại đó mình thấy đại gia mình tui, cái đạo tâm nó bị tụt đi.

Mà mình để ý trong Tăng chúng, những vị nào mà mình thấy có cái tánh hạnh, có cái công đức tu trì mà y áo rách, thì mình chú ý rồi mình đến mình cúng. Đó chính là cái duyên để đời sau khi mà gặp chư Phật, mình không có phải mất công mà kiếm y, kiếm bát, mệt lắm. Chỉ cần gặp Ngài, Ngài chỉ đưa cái bàn tay, Ngài nói:

“Ehibhikkhu, hãy đến đây, hãy đến với Giáo Pháp này và hành trì Phạm hạnh để chấm dứt khổ đau.”

Ngài chỉ nói một câu đó thôi thì tự nhiên mình gọi là có đầy đủ y bát, và râu tóc mất sạch hết.

Nói cái này phải nói thêm cái kia. Rồi như vậy thì chúng ta thấy trong Chú giải ở đây mới kể rõ có 20 trường hợp tri túc trong y áo. Đoạn Pamsukūlanti... đoạn Ettha ca cīvaram jānitabbam, từ đoạn này, ba đoạn này gồm các nội dung như sau, chỉ dịch đại khái thôi chứ tôi không có dịch hết:

1. Trường hợp một là những chất liệu vải mà Tỷ-kheo không có được sử dụng.

2. Nội dung hai là những loại y phần tảo, paṃsukūla, mà Tỷ-kheo có thể sử dụng.

3. Nội dung ba là những giai đoạn sử dụng y áo theo đúng tinh thần tri túc, gồm có 20 giai đoạn.

Chỉ một đoạn ngắn như vậy thôi mà nói đến ba cái chuyện. Chuyện thứ nhất là có những chất liệu vải mà vị Tỷ-kheo nên tránh, thí dụ như hồi này tôi nói, bằng lông thú, bằng lông chim, bằng tóc người, bằng da v.v.

Cái nội dung hai là những loại vải mà vị Tỷ-kheo nên dùng. Trong đây có giải thích, thí dụ như sotthiya là, sẵn đây mình học luôn, loại y sotthiya là gabbhamalaharaṇa, có nghĩa là vải mà sản phụ sử dụng lúc sinh con để lau rửa vệ sinh. Gabbha là bào thai, mala là dơ bẩn, haraṇa là đem đi.

Thứ hai gọi là gatapaccāgata là vải liệm xác, bó thây người chết. Dhajāhaṭa là vải dùng ở trong quân đội, như làm cờ xí, dùng xong thì bị liệt bỏ. Cái số này cũng nhiều lắm, vì một đoàn quân khi cần thì họ cờ xí, còn lúc họ không cần thì họ liệt bỏ, chứ đi hành quân xa mà đem nó theo làm cái gì nên họ bỏ.

Hoặc là thūpa là vải trang hoàng đền tháp, khi đã cũ thì cũng bị liệt bỏ, Tỷ-kheo lượm xài được. Hoặc là sāmuddiya là vải lượm được ở bãi biển. Nhiều lắm. Đại khái tổng cộng như vậy là nó nhiều lắm, mình học cho biết vậy thôi.

Rồi ở dưới đây nó có tới 20 trường hợp mà tri túc, thí dụ như là khi kiếm tìm, rồi khi thọ dụng, khi giặt giũ, thì tất cả là 20 trường hợp, 20 công đoạn khi mà mình thọ dụng y áo.

Kiểm tìm có nghĩa là nhu cầu tới đâu thì kiếm tới đó. Thứ hai nữa, tiện đâu thì đi đó, chứ không cố ý mà đi kiếm những chỗ mà mình cho là đại gia, là giàu có để mình đi kiếm cái đẹp, cái tốt. Thì cái đó gọi là tri túc trong sự kiếm tìm.

Lúc giặt giũ cũng vậy. Giặt giũ phải nhẹ tay, coi loại vải này phải vò, phải giặt làm sao, coi chừng nó hư. Đừng có bao giờ nghĩ rằng: “Ôi, nó hư cái này thì tôi đi kiếm

cái khác.” Không phải. Mà ngay trong lúc vá may, giặt nhuộm, thì cũng phải luôn luôn nhớ là phải cẩn thận, chứ không thôi nó hư rồi mắc công đi kiếm cái khác. Thì cái tâm tư này cũng là một sự tri túc.

Còn cái kiểu mình xài gọi là xài đồ tháo, kệ nó, hư cái này đi kiếm cái khác, là không có được. Cho nên tổng cộng là 20 trường hợp, từ lúc đi kiếm cho tới lúc đem về cắt may, giặt nhuộm, Tỷ-kheo luôn luôn làm từng công đoạn với một cái tâm tư như vậy. Rồi cứ như vậy, đó là y áo.

Rồi tới thực phẩm cũng vậy. Vị Tỷ-kheo thế nào là tri túc trong thực phẩm? Ở đây mình thấy có nhiều trường hợp, có 15 trường hợp tri túc trong thực phẩm.

Thí dụ như mình có thể sử dụng thực phẩm mà của người ta đem nuôi bệnh, thì mình có thể lấy cái đó mình dùng. Hoặc mình có thể dùng thực phẩm mà người ta đem đến dâng cho chư Tăng thì có mình trong đó, mình cũng dùng. Thực phẩm của người bệnh cho, thực phẩm của người nuôi bệnh đem cho mình, mình cũng có thể dùng. Thực phẩm của người ta để dành cho khách, trong trường hợp của mình là khách đi xa, mình cũng có thể dùng.

Nói chung, sở dĩ có cái vụ mà thực phẩm cho khách là sao? Chẳng hạn như vị Tỷ-kheo có thể ăn những món đồ ăn khô. Chứ còn thường mình ăn, nếu mà mình không có tri túc, thì một bữa ăn là phải có nước, phải có rau, phải có trái, phải có bánh trái tráng miệng. Nhưng mà riêng một vị tri túc, họ hoàn toàn có thể ăn thức ăn của người đi đường như lương khô, một gói mì tôm sống, một chai nước suối. Như vậy kể như đã xong buổi trưa. Đó là thức ăn của người đi đường. Còn vị tri túc họ có thể sống với thức ăn đó, gọi là yathāladhakappa, là vậy đó. Ví dụ vậy đó.

Đó là tri túc trong thực phẩm, có 15 trường hợp.

Cũng có 15 trường hợp tri túc trong trú xứ, có nghĩa là vị đó có thể ở dưới gốc cây, hang động, mồ hoang, mã lạng, nghĩa trang, tha ma. Hễ khi nào cần mái che thì kiếm chỗ nào có cái chỗ khuất gió thì chun vô, đó gọi là tri túc.

Và ngay trong lúc sửa chữa cái trú xứ của mình thì vị đó cũng phải là tri túc. Không có phải đi kiếm tìm những đồ tốt, đồ giá trị, đồ đẹp, mà miễn sao cho nó được việc thôi, đó cũng là tri túc. Không kể ra thì các vị cũng hiểu rồi. Có nghĩa là chọn chỗ ở là tri túc, mà lúc đắp vá,

Sửa đổi cũng là tri túc, luôn luôn sống trong tinh thần tri túc, thì tổng cộng lại chúng ta có 15 trường hợp trú xứ.

Rồi tiếp theo là tri túc trong thuốc men chữa bệnh, cũng là 20 trường hợp giống hệt như tri túc trong thực phẩm. Và tri túc trong bốn nhu cầu trên đây, nói gọn lại chỉ nằm trong ba cái điều chính yếu đã ghi ở trước, có nghĩa là ba cái yathā: yathāladḍhā, yathābala và yathāsāruppa.

Thì ở đây bài kinh này ghi cái này hay lắm: khi biết xem nhẹ nhu cầu vật chất thì Tỷ-kheo mới có tâm trạng lưu ý đến tâm linh. Rồi có xem nhẹ cái thấp thì mới đến được cái cao, biết xem nhẹ cái mình đang có mới có được cái tốt hơn, dĩ nhiên ở đây nói về tâm linh.

Tôi dịch nguyên một đoạn Pāli dài, trong đây nói rất rõ: phải là chán vật chất thì mới hướng đến tâm linh, có chán được cái thân thì mới coi trọng cái tâm, chán được cái dục thì mới hướng tới cái thiền, chán cái sắc thì mới đến được cái vô sắc, chán luôn cái vô sắc thì mới lìa bỏ được cái danh sắc.

Có chán vật chất thì mới chán được cái thân, coi nhẹ nó; chán thân thì mới chán dục; chán dục thì mới tu thiền; chán sắc giới mới tu vô sắc; mà chán cái vô sắc mới lìa bỏ danh sắc. Nên nói gọn lại, tri túc trong vật chất chính là tinh thần và cái lý tưởng sống của Thánh nhân, và Đức Phật gọi chung là Ariyavamsa.

Pháp tri túc phải nói là khi tôi đọc cái này, tôi mới thấy là tôi là người đại phước. Tôi được uống nước tận nguồn, và tôi mới giặt mình: thì ra cái tri túc mà từ hồi đó tới giờ mình hiểu chỉ là một cái muông canh mà trong nguyên cái nhà bếp bao la, mình chỉ múc được có một muông trong đó thôi.

Dầu đó là một muổng canh, một muổng kho, một muổng xào, một muổng nước mắt, một muổng nước tương, một muổng muối, một muổng đường, một muổng bột ngọt, một muổng gia vị, chỉ là một muổng thôi. Trong khi cái tri túc mà trong đây nói mới lạnh xương sống, tức là người ta phân tích từ trên xuống dưới như vậy mới thấy là tại sao mà tôi xem cái bài kinh này đáng để cho một vị tân thọ Tỷ-kheo phải mất ba tháng trời mới học thuộc lòng. Nó quá sâu.

Người ta nói cho đã rồi người ta kể trường hợp nào là tri túc trong y áo, thực phẩm, trú xứ, thuốc men chữa bệnh. Nói cái đó mình thấy chưa có đã, mà tới hồi người ta kết ở dưới mới lạnh xương sống: có chán được cái vật chất thì mới có cái thời gian lo cho tâm linh, có chán được vật chất thì mới coi nhẹ cái thân, mới coi nhẹ cái dục; mà có chán dục mới là tu thiền; có chán cái thiền sắc mới lên được thiền vô sắc; mà có chán được thiền vô sắc thì mới là bỏ được cái danh sắc; mà anh có chán bỏ danh sắc thì anh mới giải thoát. Bài kinh này nó sâu kinh khủng như vậy.

Đoạn cuối của bài kinh này: Bốn truyền thống bậc Thánh này, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, đã có lâu đời. Ngài nói vậy là Ngài nói nhẹ đó, chớ trong Chú giải nói rằng: ba đời chư Phật mười phương từ vô thủy luân hồi, tất cả chư Phật, tất cả Hiền Thánh đều sống trong cái tinh thần tri túc.

Là vì sao? Là vì có chán cái thấp mới leo lên được cái cao, có chán được cái cao này mới leo lên được một đỉnh cao khác. Cho nên, Ngài gọi là: Bốn truyền thống tối sơ đã có lâu đời.

Thành tựu bốn truyền thống này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trú ở phương Đông, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ, không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Cái câu này phải dịch lại. Nguyên cái đoạn dài này mình gom lại: sống đúng với cái tinh thần tri túc này, Tỷ-kheo đâu sống ở phương trời nào cũng không bị khó khăn với những bất mãn này nọ. Không bất mãn có nghĩa là đã an lạc.

Người không tu thì chỉ biết an lạc với vô số cái có, người tu thì an lạc với cái không. Thì các vị tướng tượng, một đứa con nít mà nó đọc cái này nó đã hiểu rồi là ai sướng hơn ai: một bên là chỉ có thể hạnh phúc với cái có thôi, mà muốn có được một cái có là mình phải đi tìm và làm bề mình. Đi tìm đồ con mắt, sôi máu, nó mới có được một cái có; trong khi người ta có thể an lạc với cái không.

Mình thấy nó khác rõ ràng, nó khác xa vời vợi. Một bên thì người không tu chỉ biết an lạc với vô số cái có. Ngay cả hồi này tôi nói, ngay cả cái muỗng, cái vá múc canh trong bếp là phải có cái spoon stop, rồi lá thơ rọc giấy, ba cái bill hóa đơn cũng phải có letter opener, tùm lum làm chi!

Cho nên là cái tinh thần của hai bài kinh này nó hay kinh khủng lắm. Nó hay không phải là kêu gọi tinh thần kiệm ước, giản dị, thanh bần của người tu, không có phải nghèo như vậy; mà cái nội dung bài kinh này nói rằng khi mà anh quan tâm quá nhiều những thứ không thật sự cần thiết thì anh sẽ không còn tâm tư, thời gian cho những thứ thật sự cần thiết. Có bao nhiêu đó thôi.

Tây có câu này hay lắm, nói câu này dành cho mấy cái người mà mê shopping: Khi mà anh bỏ tiền ra cho một món không cần thiết, thì anh đang làm mất đi cái số tiền cho những món cần thiết.

Aratissaho có nghĩa là chịu đựng được với cái điều bất toại. Chử saha ở đây đồng nghĩa với khanti. Tại sao kêu là cõi Sa-bà? Sa-bà là từ chữ saha, là nơi, là chỗ mà chúng sanh phải sống trong bao điều chịu đựng, gọi là cõi Sa-bà, âm ra từ cái tiếng saha là chịu đựng.

Nhờ có cái hạnh tri túc, tri túc đây có hai tiếng Pāli là santosa hoặc là santuṭṭhi, từ cái ngữ căn là tus, nghĩa là vui. Nhờ có tri túc mới có cái khả năng chịu đựng được bao điều bất toại, Pāli là arati. Và từ đó mình học được cái chữ Sa-bà. Như vậy, cõi Sa-bà là từ chữ saha này. Cõi Đâu Suất là Tusita cũng xuất phát cùng một ngữ căn tus với hai chữ santosa và santuṭṭhi.

Như vậy thì mình thấy aritissaho có nghĩa là khi vị Tỷ-kheo chịu đựng, sống tri túc, là mình phải đối phó với bao nhiêu thiếu thốn. Tri túc là dùng cái niềm vui kiệm ước để vượt qua bao cái thiếu thốn. Các vị mà bị thiếu, các vị mới biết, khủng khiếp lắm.

Thiếu thốn, thí dụ như bây giờ chẳng hạn, tối giờ ăn đi, mà người ta phải có cái này cái kia người ta mới ăn được. Đàng này mình chỉ cần một miếng cơm nguội thôi. Nếu mà mình ăn hơi dưỡng sinh một chút, gọi là chế độ thực dưỡng, thì mình chỉ cần có một miếng rau là xong.

Nhưng mà nhớ, cái này cũng vì lòng đại bi cho nên tôi đi lạc đề một chút. Mình tu là mình phải đơn giản. Người tu là ăn uống đơn giản, rẻ tiền, dễ kiếm, nhưng không có nghĩa là người tu chấp nhận cái đồ độc hại. Bởi vì mình ăn đồ độc nó có ba cái bậy.

Thứ nhất là tối hồi nó đổ bệnh ra, nó tốn tiền gọi là le lười luôn. Chuyện thứ hai là mình bị bệnh, như vậy là mình khổ mình, khổ người. Rồi lỡ mà bị mất mạng là mình bỏ đi cái dịp làm thân người. Rồi chưa kể là khi bị bệnh như vậy, mình không có thể tu tập tốt đẹp. Nhớ, cái này quan trọng.

Cho nên tối giờ, mình ăn miếng cơm nguội, nhưng mà chịu khó rau luộc, nước muối, chứ mà đừng có ăn những cái loại nước chấm quái gở mà tôi nhìn thấy ở mấy xứ châu Á: ba cái nước gì ớt sa tế, rồi xì dầu, rồi nước này nước kia. Nhiều cái thứ nước mà khi nó vô chai mà nó nằm ắp lăm tháng này tháng kia, năm này năm nọ, nó phải có chất bảo quản, các vị biết không?

Mà trước khi nó bỏ chất bảo quản, là cái vật liệu nào mà nó dùng để tạo ra cái chai đó là mình đã thấy khả nghi rồi. Rồi cái vật liệu đó mà cộng với chất bảo quản nữa thì khả nghi hai lần, độc hại hai lần. Rồi theo năm tháng dần trôi mà nó nằm ắp lăm một tháng, tám tháng, mười tháng, nó độc thêm bao nhiêu lần nữa!

Cho nên là nếu mà né được đồ độc thì nên né. Ngay cả cái vị mà đi khát thực, không phải người ta để vô trong bát của mình, mình về mình cũng ăn hết. Không phải. Mình

đi thì lòng đại bi, cái gì cũng nhận, nhưng mà về nhà mình biết mình bị tiểu đường là cái này để qua một bên.

Thí dụ như tôi bị tiền tiểu đường, prediabetes, thì tôi thấy là cái món xôi xiêm là cái món ruột của tôi. Mà tôi đi bát thì cái gì cũng nhận, nhưng mà về nhà tôi thấy xôi xiêm là tôi để qua một bên. Sầu riêng thì tôi cũng mê, nhưng mà thôi, tôi giữ lại nửa múi thôi, còn múi rưỡi để cúng cho cái ông kể bên. Rồi cái tàu hủ nước đường là mình rất là kết, nhưng mà thôi, mình làm thì một góc ba thôi, đường mình cũng chỉ giữ lại một góc ba thôi. Mà dĩ nhiên ăn xong là phải uống nửa viên metformin vô.

Có nghĩa là vẫn phải tri túc, nhưng mà không phải có nghĩa là cái gì cũng dùng, để rồi sau đó nó đổ nợ ra, khổ mình, khổ đời. Rồi chưa kể là mất cái mạng, bỏ dịp biết Đạo, bỏ dịp gặp Chánh Pháp, bỏ dịp được thân người. Mà nhằm cái thứ nó không chịu chết mà nó nằm ngắc ngoải vài năm, là nó vừa báo đời, vừa báo đạo, mà vừa báo mình nữa. Nói chung là nó thuộc về ba báo luôn, báo đa chiều.

Cho nên cái bài Kinh này đó, học Kinh là phải hiểu Kinh, chứ không thì dễ khổ.